

Bản án số: 604/2022/HC-PT

Ngày: 09/12/2022

V/v: “Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 293/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của Người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10946/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Ngọc C; Địa chỉ: Thôn P, thị trấn P1, huyện B, tỉnh L; Có mặt.

2. ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L; Địa chỉ: Thị trấn P1, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Bá H - Chức vụ: Phó Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đỗ Thị G; Địa chỉ: Số nhà 004 phố H2, thôn H1, xã V, thành phố L, tỉnh L; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Hồng N; Địa chỉ: Thôn P, thị trấn P1, huyện B, tỉnh L; Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Hữu P2; Địa chỉ: Số nhà 004 phố H2, thôn H1, xã V, thành phố L, tỉnh L; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/6/2012, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt: UBND) huyện B ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Ngọc C, diện tích bị thu hồi là toàn bộ đất ở và đất trồng cây lâu năm. Lý do thu hồi đất để xây dựng công trình Cầu P1 tại Km12 trên Quốc lộ 4E địa phận thị trấn P1, huyện B, tỉnh L.

Ngày 10/8/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3380/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng công trình. Việc thống kê, bồi thường và giải phóng mặt bằng của UBND huyện B được thực hiện không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012 đến nay ông C đã gửi đơn đến nhiều cơ quan để yêu cầu giải quyết về thủ tục thu hồi đất, đền bù, giao đất tái định cư, các chính sách hỗ trợ... Tuy nhiên, đến nay vụ việc chưa được giải quyết. Nhà nước thu hồi đất của người dân để sử dụng vào mục đích công cộng, an ninh quốc phòng, ông C không phản đối nhưng phải giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2021, UBND huyện B đưa ra hai phương án, thứ nhất gia đình ông C nhận đất tại đường K, thứ hai gia đình ông C nhận đất tại vị trí khác. Ông C nhất trí nhận lô đất tại đường K và yêu cầu UBND huyện B chi trả tiền hỗ trợ thuê nhà từ năm 2012 đến nay (ngày 27/4/2021).

Về việc giao đất tái định cư: Ông C muốn được nhận đất trên thực địa theo đúng diện tích đã được phê duyệt là 90m² tại vị trí đường K, thị trấn P1.

Về chính sách hỗ trợ: Từ khi UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất, chưa thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư đầy đủ cho hộ ông C nhưng hộ ông C đã di chuyển tài sản để bàn giao mặt bằng cho địa phương để thực hiện dự án. Khi di chuyển tài sản, UBND huyện B đã chi trả tiền hỗ trợ thuê nhà cho hộ ông C được 1.500.000 đồng/tháng, thời gian hỗ trợ 05 tháng, tổng số tiền hỗ trợ thuê nhà là 7.500.000 đồng. Từ đó đến nay UBND huyện B không chi trả tiền hỗ trợ thuê nhà cho gia đình, từ tháng 01/2013 đến nay gia đình ông C vẫn phải thuê nhà do chưa được nhận đất tái định cư. Hiện tại giá thuê nhà trên thị trường tại thời điểm này giao động từ 2.200.000 đồng đến 2.500.000 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ông C đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND huyện B phải giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C một suất tái

định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn P1 và trả tiền thuê nhà cho gia đình ông C, với số tiền là: 237.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Người bị kiện trình bày: Hộ ông Nguyễn Ngọc C thuộc đối tượng thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình Cầu P1. Hộ ông C tại thời điểm thu hồi đất đủ điều kiện được giao đất tái định cư.

Ngày 01/8/2012, UBND huyện B đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND thị trấn P1 tổ chức bốc thăm giao đất tái định cư cho các hộ gia đình đủ điều kiện giao đất tái định cư công trình Cầu P1 tại khu tái định cư đường K, thị trấn P1, ông C đề nghị được nhận lô đất số 59 khu tái định cư đường K, thị trấn P1.

Ngày 24/10/2012, ông C đã có đơn gửi UBND xin giao đất, xin cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại lô đất số 59 khu tái định cư đường K. UBND huyện B đã phê duyệt giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông C tại lô đất số 59 khu tái định cư đường K với diện tích là 90m² (4,5m x 20m). UBND thị trấn P1 đã gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất cho ông C, nhưng ông C không nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất và không nhận giao đất tại thực địa với lý do thửa đất không đảm bảo mặt bằng theo hồ sơ giao đất.

Sau khi nhận được kiến nghị, UBND huyện đã giao các cơ quan, ban ngành hoàn thiện mặt bằng và xác định lại diện tích lô đất đã giao cho hộ ông C. Sau khi xác minh tại thực địa diện tích lô đất có diện tích thực tế là 81m² (giảm 9m² so với hồ sơ giao đất cho hộ ông C), lô đất thực tế có kích thước 4,5m x 18m.

Ngày 27/3/2019, sau khi xác định lại diện tích thực tế lô đất đã giao cho ông C, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1813/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông C, tiến hành xác định lại diện tích thực tế để hoàn thiện thủ tục cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông C.

Ngày 04/6/2019 và 20/6/2019, UBND huyện đã ban hành 02 Giấy mời ông C đến nhận đất tại thực địa và hoàn thiện thủ tục để cấp lại GGCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông C theo diện tích thực tế, tuy nhiên cả hai buổi mời làm việc ông C đều vắng mặt dù đã nhận được Giấy mời. Do ông C không phối hợp thực hiện nên nội dung đề nghị giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất cho hộ ông C vẫn chưa giải quyết xong.

Ngày 26/02/2021, UBND huyện B đã tổ chức đối thoại với ông C, tại buổi làm việc đã đưa ra hai phương án giao đất cho hộ ông C tại lô số 59 khu tái định cư đường K với diện tích thực tế là 81m² hoặc ông C lựa chọn giao đất tại khu tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng khu vực Cầu P1. Nhưng đến nay ông C vẫn chưa phối hợp để thực hiện hoàn thiện thủ tục

giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Đối với chi trả hỗ trợ tiền thuê nhà: Ngày 01/8/2012, UBND huyện B đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND thị trấn P1 tổ chức bốc thăm giao đất tái định cư cho các hộ gia đình đủ điều kiện giao đất tái định cư công trình Cầu P1 tại khu tái định cư đường K, thị trấn P1, hộ ông C đã bốc thăm và được giao tái định cư tại lô đất số 59 khu tái định cư đường K, thị trấn P1. Ngày 24/10/2012, ông C đã có đơn gửi UBND xin giao đất, xin cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại lô số 59 khu tái định cư đường K. Tiền hỗ trợ thuê nhà của hộ ông C đã được hỗ trợ và chi trả đến hết tháng 10/2012, sau khi hộ gia đình ông C được bốc thăm tái định cư và có đơn xin giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Như vậy, việc hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông C đến hết tháng 10/2012 là đảm bảo theo đúng quy định, việc ông C đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà từ sau tháng 10/2012 cho đến nay là không có cơ sở để thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hồng N trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc UBND huyện B phải giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C một suất tái định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn P1 và hỗ trợ tiền thuê nhà cho gia đình ông C từ tháng 01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa sơ thẩm đã phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Đối với Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng hành chính đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ Điều 59 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34, 35 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ; Điều 158; Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C: Buộc UBND huyện B, tỉnh L phải giao cho hộ ông Nguyễn Ngọc C một suất tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông C theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L có Quyết định kháng nghị số 41/QĐ-VKS-HC ngày 26/4/2022 với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Ngày 24/4/2022, Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L có đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết lại vụ án theo quy định.

Ngày 03/5/2022, Người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc C có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng do kháng cáo quá thời hạn quy định theo Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên tại Quyết định số 39/2022/QĐ-PT ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L là ông Đỗ Bá H3 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định kháng nghị số 41/QĐ-VKS-HC ngày 26/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L và có quan điểm như sau: Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung đơn kháng cáo của người bị kiện, thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh đầy đủ, tuyên án không rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của Người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cao đảm bảo

đúng thời hạn, phù hợp với quy định của Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử theo quy định chung.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B phải giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C một suất tái định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn P1 và hỗ trợ tiền thuê nhà cho gia đình ông C từ tháng 01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và ông C có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 115 Luật Tố tụng hành chính và khởi kiện trong thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L, Hội đồng xét xử thấy như sau: Ông Nguyễn Ngọc C khởi kiện buộc UBND huyện B phải giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C một suất tái định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn P1 vì ngày 20/6/2012 UBND huyện B ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND về việc thu hồi đất phục vụ xây dựng công trình: Cầu P1 tại Km12 trên Quốc lộ 4E, huyện B, tỉnh L đến ngày 01/8/2012 UBND huyện B đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức bốc thăm nhận đất tái định cư cho các hộ gia đình đủ điều kiện, trong đó có hộ gia đình ông C, ông C đề nghị được nhận lô đất số 59, khu tái định cư đường K, thị trấn P1.

Xét thấy, hộ ông C được UBND huyện B thu hồi 120m² đất ở (ODT) tại thửa số 310b, tờ bản đồ P4-14 và 28m² đất trồng cây lâu năm (CLN), lý do thu hồi để xây dựng công trình Cầu P1 tại Km12, trên Quốc lộ 4E địa phận thị trấn P1, huyện B, tỉnh L. Thu hồi 100% đất ở và đất nông nghiệp để thực hiện dự án xây dựng công trình Cầu P1 tại Km12, trên Quốc lộ 4E.

Căn cứ Điều 34 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định như sau:

“1. Cơ quan (tổ chức) được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho từng hộ gia đình bị thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai phương án này tại trụ sở của đơn vị, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi và tại nơi tái định cư trong thời gian 20 ngày trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư; nội dung thông báo gồm:

a) Địa điểm, quy mô quỹ đất, quỹ nhà tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, căn hộ, giá đất, giá nhà tái định cư;

b) Dự kiến bố trí các hộ vào tái định cư.

2. Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người bị thu hồi đất tại nơi có dự án tái định cư, ưu tiên vị trí thuận lợi cho các hộ sớm thực hiện giải phóng mặt bằng, hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ, hộ gia đình chính sách.

3. Tạo điều kiện cho các hộ vào khu tái định cư được xem cụ thể khu tái định cư và thảo luận công khai về dự kiến bố trí quy định tại khoản 1 Điều này.”

Điều 35 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định như sau:

“1. Khu tái định cư phải xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng.

2. Khu tái định cư phải được sử dụng C cho nhiều dự án.

3. Trước khi bố trí đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, khu tái định cư phải được xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ đảm bảo đủ điều kiện cho người sử dụng tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ”.

Như vậy, hộ ông C thuộc đối tượng thu hồi đất và đủ điều kiện được bồi thường và giao đất tái định cư theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, UBND huyện B thực hiện việc giao tái định cư cho hộ ông C chưa đúng quy định, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Ngày 09/11/2012, Chi cục thuế huyện B ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc C, ông C không nhận thông báo và không nhận giao đất tại thực địa với lý do thửa đất không đảm bảo mặt bằng theo hồ sơ giao đất (thiếu 9m²), nhưng UBND huyện B vẫn cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C. Đến ngày 27/3/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1813/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông C. Như vậy, về thực tế hộ ông C chưa được giao tái định cư theo quy định.

Thứ hai: Ngày 04/6/2019 và ngày 20/6/2019, UBND huyện B đã gửi giấy mời về việc giao đất tái định cư tại thực địa cho hộ ông C nhưng hộ ông C không hợp tác, đứng ra phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chuyên môn phải căn cứ vào phương án tái định cư trình UBND huyện B ban hành quyết định ấn định vị trí tái định cư, ban hành quyết định giao đất, ban hành phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai để hộ ông C thực hiện nghĩa vụ. Nhưng UBND huyện B không thực hiện, đến ngày 07/6/2019 và ngày 24/6/2019 đại diện các cơ quan chuyên môn đã tự lập biên bản giao đất trên thực địa không có mặt hộ gia đình ông C. Hơn nữa diện tích đất bàn giao lại đúng là diện tích đất mà ông C không nhận do thiếu diện tích (Lô số 59).

Ngày 27/4/2021, UBND huyện B đã tổ chức đối thoại với hộ gia đình ông C và đưa ra 02 phương án giao đất: phương án thứ nhất nhận vị trí đất tại đường

K, phương án thứ hai lựa chọn vị trí khác để giao đất. Như vậy khẳng định việc giao đất tái định cư cho hộ ông C là chưa được thực hiện.

Đối với việc ông C yêu cầu UBND huyện B giao một suất đất tái định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn P1.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hộ gia đình ông C có đủ điều kiện được bồi thường và giao đất tái định cư, do vậy UBND huyện B căn cứ vào phương án tái định cư và quỹ đất thực tế trên địa bàn để xem xét giao đất tái định cư cho hộ ông C đảm bảo đúng quy định.

[5] Xét yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Chung:

Căn cứ khoản 3 Điều 31 Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh L quy định về hỗ trợ di chuyển như sau: “3. Hộ gia đình bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/tháng/hộ. Thời gian tính hỗ trợ từ ngày bàn giao đất cho chủ đầu tư đến khi nhận đất tái định cư cộng với 05 tháng xây dựng nhà ở”.

Căn cứ Điều 32 Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của UBND tỉnh L quy định về hỗ trợ di chuyển như sau: “3. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ được thực hiện theo Mục II Phụ lục số 7”.

Hộ gia đình ông C bị thu hồi 100% đất ở và toàn bộ đất nông nghiệp, thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác. Nên đủ điều kiện được hỗ trợ tiền thuê nhà theo quy định. UBND huyện B sau khi hỗ trợ tiền thuê nhà 05 tháng cho hộ gia đình ông C thì không thực hiện hỗ trợ nữa với lý do hộ ông C đã dựng một ngôi nhà gỗ để sử dụng trên lô đất số 59. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và tại phiên tòa người khởi kiện khẳng định thửa đất lô số 59, đường K gia đình ông chưa nhận và chưa xây dựng bất cứ ngôi nhà nào trên đất, vì khu đất đó không có điện, nước nên vẫn để trống từ đó cho đến nay (có xác nhận của tổ trưởng dân phố và các hộ dân giáp ranh). Như vậy, việc UBND huyện B không tiếp tục hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông C là không đảm bảo quyền lợi cho hộ ông C.

Về thời gian được hỗ trợ: Theo quy định tại Mục II phụ lục số 7, Điều 32 Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của UBND tỉnh L quy định như sau: “Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở; Thời gian tính hỗ trợ từ ngày bàn giao đất cho chủ đầu tư đến khi nhận đất TĐC cộng với 06 (sáu) tháng xây dựng nhà ở (Tính từ thời điểm khu tái định cư hoàn chỉnh hạ tầng: đường, điện, nước)”.

Căn cứ tài liệu hồ sơ vụ án thì không có biên bản bàn giao đất cho chủ đầu tư, chỉ có thông báo về việc tháo dỡ nhà, tài sản vật kiến trúc và thu hoạch cây cối hoa màu, bàn giao mặt bằng xây dựng công trình Cầu P1 tại Km12 trên Quốc lộ 4E đối với hộ ông C, thì thời điểm bàn giao đất xong trước ngày 20/9/2012. Như vậy, yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà của hộ ông C là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy theo điều 3 Luật Tố tụng hành chính quy định thì “*Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật*”.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C: Buộc UBND huyện B, tỉnh L phải giao cho hộ ông Nguyễn Ngọc C một suất tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông C theo quy định của pháp luật là đúng.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L; Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000160 ngày 13/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng

